

HỒNG VŨ CẨM THU'

Dạy về thuật phong thủy có phụ họa đồ

Quyển hạ

Lập minh để truyền thụ cho học trò gồm có bốn mục:

- 1). Truyền thụ luận
- 2). Định minh thế
- 3). Nghi thức lập minh
- 4). Tựa truyền phái

*Truyền phái tiết lậu thiên cơ
Kiền là tượng trưng chức ngự sử
Cấn là tượng trưng chức trạng nguyên
Khôn là tượng trưng chức tể tướng.
Tốn là tượng trưng chức an phủ.
Thân là tượng trưng chức thái thú.
Hợi là tượng trưng chức quan huyện
Dần là tượng trưng người thứ dân
Tỵ là tượng trưng chức vị tướng quân
Nói về thế bát sơn có năm thế:*

- 1). Thế phát khô giáp
- 2). Thế phát văn chương
- 3). Thế phát thư sinh
- 4). Thế phát áp mục
- 5). Thế phát thái họa (hội họa)

Truyền phái tiết lậu cơ trời.

Ông Dương Quân Tùng tên chữ là Trương Mậu, tên hiệu là Cửu Bàn. Ông Tăng Văn Địch tên hiệu là *Chân Tiên Nhân*; khi Tăng Công còn nhỏ, có biệt danh là Liên Vũ, tu ở núi Kim Tinh đồn hết tinh hoa phát huy huyền bí tiết lậu cơ trời tức là bộ Địa lý (thuật Phong thủy) chính tông này, do ông Dương Quân Tùng phát minh truyền đến ông Tăng Văn Địch tên hiệu là *Liên Vũ*. Chính những người theo học phải hiểu thế đất thế nào? Phải biết nhận ra những hình thế miệng truyền mắt thấy, thế kia thế khác v.v... nên có câu rằng:

Phiên âm

Đề viết

Lương điền cánh tác tử tôn lụy,
Châu ngọc chung vi thể tử tai,
Nhất quyển kinh truyền hiển tiếu già
Thủ chi bất kiệt dụng vô thai

Giải nghĩa

Ruộng nương chỉ để con mang lụy,
Châu ngọc hay gì vợ mắc tai.
Một quyển kinh này khôn giữ được,
Lấy dùng không hết cứ còn hoài.

Lại có câu kinh rằng:

Phiên âm

Kinh vân

Cộng âm cộng hưởng cộng lai long,
Bách tính cư chi tổng nhất đồng,
Tiền diện nhất ban thị tham lang,
Nhất gia phú quý nhất gia cùng.

Giải nghĩa

Cũng âm cũng hưởng cũng rỗng châu,
Trăm họ cùng nhau ở đã lâu,
Trước mắt tham lang ngay ở đó.
Người giàu kẻ khó bởi vì đâu?

Thần kinh dị pháp

Nghĩa là những phép mầu nhiệm của thần kinh,
Đây hãy xét là kinh có hai mươi bốn vị.
Tý là chính vị Bắc phương mà Nhâm Quý là phụ đó.
Ngọ là chính vị Nam phương mà Bính Đinh là phụ đó.
Mão là chính vị Đông phương mà Giáp Ất là phụ đó.
Dậu là chính vị Tây phương mà Canh Tân là phụ đó.
Tý Ngọ Mão Dậu vua Văn Vương cho là hậu thiên.
Khảm Ly Chấn Đoài là bốn phương là địa vị rất chính của nó vậy.
Kiền khôn cần tốn là bốn góc cạnh (tứ duy).
Đứng đầu tóm hết lại để dùng tám can với mười hai chi.
Tức là phương đông thì Dần Giáp Ất Mão Thìn nhưng mà Mão thì là ở chính trung.

Nam phương thì Ty Ngọ Bính Đinh Mùi nhưng mà Ngọ thì là ở chính trung.
Tây phương thì Thân Canh Dậu Tân Tuất nhưng mà Dậu thì là ở chính trung.
Bắc phương thì Hợi Nhâm Tý Quý Sửu nhưng mà Tý thì là ở chính trung.
Như thế đó thì thật là cái lẽ rất trung rất chính vậy. Trời đất là cái ngôi chi cực muôn đời chẳng dễ mà có thể thay đổi được.

Về sau người ta mới nghĩ mà đã chế ra cái kim nam châm nổi để mà xem và so sánh với ánh mặt trời.

Ở phía nam thì trông lên sao Bắc đẩu.

Ở phía bắc cực thì xem sao Xu tinh.

Người ta dùng cái tính tự nhiên của kim ấy để đem so sánh thì nó thiên về hướng phương bính. Bởi vì chẳng phải vì nam bắc mà nó thiên đầu, thực cũng chẳng qua là vì cái kim nổi đó nó sợ chính hỏa mà ra như thế vậy.

Cho nên người ta mới lắp cái kim nam châm ấy vào trong la bàn dùng để làm phương châm để mà xem sự chuẩn đích cũng như các phương hướng chính, địa vị chính của trời đất vậy, như thế thì những khả năng của cái kim ấy cũng có thể làm cho người ta biết được chỗ nào là địa vị nào, phương hướng nào của trời đất vậy.

Luật huyệt pháp

Quyển thứ hai mươi sáu

Theo phép xem hướng để mà nhận định ra long huyệt. Hai mươi bốn thứ long huyệt, mỗi thứ huyệt tốt và địa vị của nó.

Nhâm long thì có ba thứ huyệt:

1. Cấn sơn hướng Khôn.
 2. Tý sơn hướng Ngọ.
- Sửu long thì có một huyệt:
Nhâm sơn hướng bính.
- Cấn long thì có tám thứ huyệt:
1. Quý sơn hướng Đinh.
 2. Nhâm sơn hướng Bính
 3. Giáp sơn hướng Canh
 4. Ất sơn hướng Tân.
 5. Mão sơn hướng Dậu
 6. Kiền sơn hướng Tốn
 7. Hợi sơn hướng Ty.
 8. Sửu sơn hướng Mùi.
- Dần long có hai thứ huyệt.
1. Cấn sơn hướng Khôn
 2. Dần sơn hướng Thân
- Giáp long có hai thứ huyệt:
1. Cấn sơn hướng Khôn.
 2. Tốn sơn hướng Kiền.
- Mão long có bốn thứ huyệt:
1. Giáp sơn hướng Canh
 2. Ất sơn hướng Tân.
 3. Quý sơn hướng Đinh
 4. Ty sơn hướng Hợi
- Ất long có một huyệt.
Cấn sơn hướng Khôn
- Thìn long có hai thứ huyệt:
1. Tốn sơn hướng Kiền.
 2. Cấn sơn hướng Khôn
- Tốn long có ba thứ huyệt
1. Ất sơn hướng Tân
 2. Ty sơn hướng Hợi
 3. Khôn sơn hướng Cấn
- Ty long có một huyệt:
Ty sơn hướng Hợi
- Bính long có bốn thứ huyệt
1. Ty sơn hướng Hợi
 2. Giáp sơn hướng Canh
 3. Ất sơn hướng Tân
 4. Khôn sơn hướng Cấn
- Ngọ long có hai thứ huyệt:
1. Bính sơn hướng Nhâm
 2. Đinh sơn hướng Quý
- Đinh long có hai thứ huyệt:
1. Khôn sơn hướng Cấn
 2. Ty sơn hướng Hợi
- Mùi long có một thứ huyệt:
Khôn sơn hướng Cấn
- Khôn long có một thứ huyệt:
Đinh sơn hướng Quý
- Thân long có hai thứ huyệt:
1. Đinh sơn hướng quý

2. Canh sơn hướng Giáp

Canh long có hai thứ huyết:

1. Dậu sơn hướng Mão
2. Khôn sơn hướng Cấn.

Dậu long có ba thứ huyết:

1. Khôn sơn hướng Cấn
2. Kiền sơn hướng Tốn
3. Hợi sơn hướng Tỵ.

Tân long có ba thứ huyết:

1. Kiền sơn hướng Tốn
2. Dậu sơn hướng Mão
3. Khôn sơn hướng Cấn

Tuất long có một thứ huyết:

Tân sơn hướng Ất

Kiền long có một thứ huyết:

Tân sơn hướng Ất

Hợi long có ba thứ huyết:

1. Nhâm sơn hướng Bính
2. Kiền sơn hướng Tốn
3. Quý sơn hướng Đinh.

Nhâm long huyết ấy có ba thứ hướng, hướng thứ nhất là tọa tý hướng ngọ.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Tý hướng Ngọ, nên đùn nhích sang bên tả, gia thêm Hợi phương nửa phần, để lấy phương Bính Tý mà Nhâm là chính trung. Đến chỗ khi đến ấy để đi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

*Khi theo tai hữu ngấm dần,
Mười can trái chín một phần thiên nhâm,
Nhích sang tả hội phúc âm,
Long mạch tinh thần phú quý vinh hoa.*

Phân kim

Kiên Nhâm Bính nên dùng Canh Ngọ Canh Tý (thuộc Thổ).

Kiên Quý Đinh nên dùng Bính Ngọ Tý (thuộc Thủy).

Hướng thứ hai tọa Cấn hướng Khôn.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Cấn hướng Khôn, nên đùn nhích sang bên tả gia, Hợi phương nửa phần để lấy mạch đi suốt sang lưng bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa cấn hướng khôn.

Phiên âm

Nhâm long điều điều (siêu) huyết thiên nhị (cấn)

Thiên phụ (nhâm) khí bên khấu hữu du

Huyết vị xâm tả bán phần hội.

Phú quý thanh danh hưởng lư lý

Giải nghĩa

Nhâm long thiên thị xa sao

Cấn nhâm thiên phụ khí vào hữu du

Nửa phần bên tả hội bù

Giàu sang danh giá đi du dân làng

Phân kim

Kiểm Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ) kiêm Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc Hỏa).

Hướng thứ ba là tọa tân hướng Ất.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa tân hướng Ất, nên đun nhích sang bên hữu gia sang Tý phương nửa phần để lấy nhân mạch khí suốt sang lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ tam tọa tân hướng Ất

Phiên âm

Thiên nhâm phụ huyết hướng thiên tinh,
Khí tòng tả du thông huyền linh,
Huyết nghi ai hữu gia dương quang (Tý)
Chủ khách phú nhân tắc anh minh.

Giải nghĩa

*Thiên nhâm phụ huyết thiên tinh
Khí theo bên tả mạch sinh diệu huyền.
Huyết đun bên hữu quy quyền.
Anh minh chủ khách giàu tiền người hay.*

Phân kim

Kiểm Mão Dậu nên dùng Tân Mão Tân Dậu (thuộc mộc).

Kiến Thìn Tuất thì nên dùng Bính Thìn Bính Tuất (thuộc thổ).

Tý long huyết ấy có một hướng.

Hướng thứ nhất là tọa cần hướng khôn.

Tý long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa cần hướng khôn nên đun sang bên hữu gia một chút nhâm phương một phần để khiến chính cái khí phương Tý suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ lại nói rằng:

Tý long nhất hướng
Đệ nhất tọa cần hướng Khôn

Phiên âm

Dương (Tý) quang huyết tại thiên (cần) thị viên
Khí tòng hữu nhĩ nãi vi huyền
Huyết nghi ai tả gia thiên (nhâm) phụ,
Dựng sinh tử (lục súc) chỉ đa điền viên.

Giải nghĩa

*Dương quang huyết ở cần viên,
Khí chung bên hữu diệu huyền tự nhiên.
Huyết đun bên tả nhâm thiên,
Dưỡng sinh nảy nở điền viên của nhiều*

Phân kim

Kiểm Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ)

Kiên Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa)

Quý long huyết ất có hai hướng:
Hướng thứ nhất là tọa cần hướng khôn
Quý long nhập thủ ở chỗ bên tả, huyết ất thì là tọa cần hướng khôn, nên đùn nhích sang bên hữu gia lý phương nửa phần để lấy mạch đi suốt sang Đỉnh Sửu đến chính quý phương mạch suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Quý long nhị hướng
Đệ nhất tọa cần hướng khôn

Phiên âm

Thôi quan thi vân:

Thôi quan tam thập hướng huyền (khôn) qua,
Nghĩ ai âm quang (tuần mỹ) hữu nhĩ qua,
Ai tả vi gia bán phân tỳ,
Phú quý cách kiến phong lưu đa.

Giải nghĩa

*Ba mươi khôn hướng thôi quan,
Âm quang bên hữu hân hoan qua rồi,
Nửa phân tỳ tả biên thôi,
Phong lưu phú quý đất trời giúp cho.*

Phân kim

Kiên Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ).
Kiến Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa).
Hướng thứ hai là hướng tọa Tý hướng Ngọ.
Quý long nhập thủ ở chỗ bên tả, huyết ất thì là tọa Tý hướng Ngọ, nên đùn nhích sang bên hữu hơi gia một chút Sửu phương để lấy chính khí Đỉnh Sửu suốt vào lai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Tý hướng Ngọ

Phiên âm

Am (quí) quang huyết khảm hướng viêm tinh,
Tả nhĩ thừa khí bất vi khinh,
Huyết nghĩ ai hữu vi gia sửu,
Xuất nhân anh tuần tư tài thịnh.

CON TIẾP